

Bản án số: 124/2019/DS-ST  
Ngày: 26 - 9 - 2019  
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Ngọc Diệu

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Phạm Thế Phương

2. Bà Trần Thị Trang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Thịnh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 09 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 426/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 08 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 449/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 09 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội. Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội do ông Dương Quyết Thắng, chức vụ: Tổng Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Phú Q, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Tân Châu; địa chỉ: Số 03, Phan Đăng Lưu, khóm Long Thạnh C, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; cùng cư trú: Tổ 03, ấp Phú Hữu 1, xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2019, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 14/12/2007 Ngân hàng Chính sách xã hội, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Tân Châu có cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T vay số tiền 24.000.000 đồng, theo chương trình cho vay sinh viên (Nguyễn Hoàng Phụng là con của công N và bà T) có hoàn cảnh khó khăn, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất 0,5%/tháng đến 0,65%/tháng. Đến ngày 14/10/2009 Ngân hàng Chính sách xã hội, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Tân Châu có cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T vay số tiền 25.200.000 đồng cũng theo chương trình cho vay sinh viên Nguyễn Đại Hải là con của ông N và bà T, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất 0,5%/tháng, lãi suất quá hạn 0,65%/tháng, vay tín chấp. Khi đến hạn trả nợ thì vợ chồng ông N bà T không thực hiện trả vốn và lãi, cả 02 khoản nợ này đã chuyển sang nợ quá hạn. Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Tân Châu đã nhiều lần phối hợp cùng Hội nông dân xã Lê Chánh, Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn tiến hành đôn đốc nhắc nhở ông N bà T nhưng vợ chồng ông N bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ông Phạm Phú Q đại diện cho Ngân hàng Chính sách xã hội yêu cầu buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền vốn vay ngày 14/12/2007 là 24.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 12.775.000 đồng, và số tiền vốn vay ngày 14/10/2009 là 25.200.000 đồng, lãi suất phát sinh là 17.188.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi suất tính đến ngày 26/9/2019 là 79.163.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Phạm Phú Q đại diện ủy quyền cho Ngân hàng Chính sách xã hội vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu có ý kiến với việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đảm bảo đúng qui định pháp luật. Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý và tại phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ và nội quy phiên tòa như đã quy định.

Về nội dung vụ án: Hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng Chính sách xã hội, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Tân Châu với ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T hai bên có xác lập hợp đồng vay vốn cho con là 02 sinh viên đang học đại học, số tiền vay vốn ngày 14/12/2007 là 24.000.000 đồng, số tiền vay vốn ngày 14/10/2009 là 25.200.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông N, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, sau khi Ngân hàng Chính sách xã hội cùng với chính quyền địa phương làm việc với ông N, bà T, thì phía ông N, bà T không hợp tác, trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền vốn vay là 49.200.000 đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày 26/9/2019 là 29.963.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Chính sách xã hội tranh chấp với ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T về hợp đồng vay tài sản, nên Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và vắng mặt không lý do, do đó, tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Căn cứ vào lời trình bày và tài liệu chứng cứ do đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Phú Q cung cấp: Vào ngày 14/12/2007 Ngân hàng Chính sách xã hội, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Tân Châu có cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T vay số tiền 24.000.000 đồng, theo chương trình cho vay sinh viên (Nguyễn Hoàng Phụng là con của ông N và bà T) có hoàn cảnh khó khăn, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất 0,5%/tháng đến 0,65%/tháng. Đến ngày 14/10/2009 Ngân hàng Chính sách xã hội, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Tân Châu có cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T vay số tiền 25.200.000 đồng cũng theo chương trình cho vay sinh viên Nguyễn Đại Hải là con của ông N và bà T, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất 0,5%/tháng đến 0,65%/tháng, vay tín chấp. Khi đến hạn trả nợ thì vợ chồng ông N bà T không thực hiện trả vốn và lãi, cả 02 khoản nợ này đã chuyển sang nợ quá hạn. Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Tân Châu đã nhiều lần phối hợp cùng Hội nông dân xã Lê Chánh, Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn tiến hành đôn đốc nhắc nhở ông N bà T nhưng vợ chồng ông N bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ông Phạm Phú Q đại diện cho Ngân hàng Chính sách xã hội yêu cầu buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền vốn vay ngày 14/12/2007 là 24.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 12.775.000 đồng, và số tiền vốn vay ngày 14/10/2009 là 25.200.000 đồng, lãi suất phát sinh là 17.188.000 đồng. Tổng cộng vốn là 49.200.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 26/9/2019 là 29.963.000 đồng.

[2] Căn cứ vào các văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T được tổng đạt và ký nhận, nhưng ông bà không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T vắng mặt không lý do.

[3] Xét, về hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng Chính sách xã hội với ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T, trên cơ sở chính quyền địa phương đề nghị cho vợ chồng ông N, bà T vay vốn để thực hiện phương án chi phí học tập cho sinh viên là con của ông N và bà T nên hai bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở quy định pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay ông N bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi suất cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền vốn vay là 49.200.000 đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày 26/9/2019 là 29.963.000

đồng, tổng cộng là 79.163.000 đồng, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội là căn cứ phù hợp pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền phải trả cho Nguyên đơn, theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; 466; 468; 288 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội do ông Phạm Phú Q làm đại diện theo ủy quyền.

Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền 79.163.000 đồng (trong đó tiền vốn là 49.200.000 đồng và lãi suất 29.963.000 đồng) cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.958.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**Trần Ngọc Diệu**